

BẢNG THANH TOÁN TIỀN TRỰC TĂNG CƯỜNG

Tháng 11 năm 2017

STT	Họ và tên	Trực 16h/24h và trực 24h/24h								Trực 8h/24h				Số tiền thực lĩnh	Ghi chú	Khoa phòng
		Ngày thường (86.250đ/ ngày)		Ngày T7, CN (149.500 đ/ ngày)		Ngày Lễ + Tết (207.000đ/ngày)		Tổng số ngày	Tổng số tiền	Trực ngày T7, CN (100.000đ/ngày)		Trực ngày lễ, tết (120.000đ/ ngày)				
		Số ngày	Thành tiền	Số ngày	Thành tiền	Số ngày	Thành tiền			Số ngày	Thành tiền	Số ngày	Thành tiền			
A	B	1	2=1*86.250đ (129.375đ)	3	4=3*149.500đ (224.250đ)	5	6=5*207.000 đ (310.500đ)	7=1+3+ 5	8=2+4+6	9	10=9x100.000đ	11	12=11*120.00 0	13=8+10+12	14	15
1	Nguyễn Thị Tuyền	4	345.000	1	149.500		-	5	494.500		-		-	494.500		Khoa Yêu Cầu
2	Nguyễn Thị Mơ	2	172.500	2	299.000		-	4	471.500		-		-	471.500		Khoa Yêu Cầu
3	Lê Thị Thu Ngân	7	603.750		-		-	7	603.750		-		-	603.750		Khoa Yêu Cầu
4	Nguyễn Thị Giang	1	86.250		-		-	1	86.250		-		-	86.250		Khoa Yêu Cầu
5	Nguyễn Thị Chinh	3	258.750	1	149.500		-	4	408.250		-		-	408.250		Khoa Yêu Cầu
6	Phạm T. Phương Lan	3	258.750	3	448.500		-	6	707.250		-		-	707.250		Khoa Yêu Cầu
7	Trần Phương Kính	2	172.500	1	149.500		-	3	322.000		-		-	322.000		Khoa Yêu Cầu
8	Hoàng Thị Quê	2	172.500	1	149.500		-	3	322.000	2	200.000		-	522.000		Khoa TMH
9	Đỗ Thị Yến		-	1	149.500		-	1	149.500		-		-	149.500		Khoa TMH
10	Hoàng Thị Sinh	2	172.500		-		-	2	172.500	1	100.000		-	272.500		Khoa TMH
11	Ng. Thị Hương Lan		-		-		-	0	-	2	200.000		-	200.000		Khoa TMH
12	Đặng Hữu Trinh	3	258.750	1	149.500		-	4	408.250		-		-	408.250		Khoa TMH
13	Nguyễn Thị Phương	1	86.250	1	149.500		-	2	235.750	3	300.000		-	535.750		Khoa TMH
14	Nguyễn Thị Nhung		-		-		-	0	-	3	300.000		-	300.000		Khoa Sản
15	Nguyễn Thị Liên		-		-		-	0	-	1	100.000		-	100.000		Khoa Sản
16	Bùi Thị Mạnh Ngân		-		-		-	0	-	3	300.000		-	300.000		Khoa Sản
17	Hà Thị Thanh Thủy		-		-		-	0	-	1	100.000		-	100.000		Khoa Sản
18	Hoàng Thị Nhớ		-		-		-	0	-	2	200.000		-	200.000		Khoa Sản
19	Phùng Thị Duyên		-		-		-	0	-	3	300.000		-	300.000		Khoa Sản
20	Lê Thị Kim Thoa		-		-		-	0	-	3	300.000		-	300.000		Khoa Nhi

STT	Họ và tên	Trực 16h/24h và trực 24h/24h								Trực 8h/24h				Số tiền thực lĩnh	Ghi chú	Khoa phòng
		Ngày thường (86.250đ/ ngày)		Ngày T7, CN (149.500 đ/ ngày)		Ngày Lễ + Tết (207.000đ/ngày)		Tổng số ngày	Tổng số tiền	Trực ngày T7, CN (100.000đ/ngày)		Trực ngày lễ, tết (120.000đ/ ngày)				
		Số ngày	Thành tiền	Số ngày	Thành tiền	Số ngày	Thành tiền			Số ngày	Thành tiền	Số ngày	Thành tiền			
A	B	1	2=1*86.250đ (129.375đ)	3	4=3*149.500đ (224.250đ)	5	6=5*207.000 đ (310.500đ)	7=1+3+ 5	8=2+4+6	9	10=9x100.000đ	11	12=11*120.00 0	13=8+10+12	14	15
21	Nguyễn Thị Tuyết		-		-		-	0	-	2	200.000		-	200.000		Khoa Nhi
22	Nguyễn Thị Ngọc Anh		-		-		-	0	-	2	200.000		-	200.000		Khoa Nhi
23	Phan Thị Xuân		-		-		-	0	-	1	100.000		-	100.000		Khoa Nhi
24	Ngô Vinh Quang		-		-		-	0	-	1	100.000		-	100.000		Khoa Nhi
25	Ngô Thị Tuyết		-		-		-	0	-	3	300.000		-	300.000		Khoa Nhi
26	Dương Thị Hiền		-		-		-	0	-	2	200.000		-	200.000		Khoa Nhi
27	Đỗ Thị Lan Hương		-		-		-	0	-	3	300.000		-	300.000		Khoa Nhi
28	Lý Thị Thu Trang		-		-		-	0	-	4	400.000		-	400.000		Khoa Nhi
29	Viên Thị Tuyền		-		-		-	0	-	1	100.000		-	100.000		Khoa Nhi
30	Nguyễn Thị Nguyên		-		-		-	0	-	2	200.000		-	200.000		Khoa Nhi
31	Vũ Anh Tuyền		-		-		-	0	-	2	200.000		-	200.000		Khoa Nhi
32	Hoàng Thị Huế		-		-		-	0	-	3	300.000		-	300.000		Khoa Nhi
33	Mương Tiến Đức		-		-		-	0	-	1	100.000		-	100.000		Khoa Nhi
34	Nguyễn Thị Hợp		-		-		-	0	-	3	300.000		-	300.000		Khoa Nhi
35	Lương Thị Phúc		-		-		-	0	-	2	200.000		-	200.000		Khoa Nhi
36	Vũ Thị Minh Nga		-		-		-	0	-	3	300.000		-	300.000		Khoa Nhi
37	Nguyễn Thị Dư		-		-		-	0	-	3	300.000		-	300.000		Khoa Nhi
38	Đàm Thị Thắm		-		-		-	0	-	1	100.000		-	100.000		Khoa Nội TH
39	Ng. Thị Thanh Hải		-		-		-	0	-	1	100.000		-	100.000		Khoa Nội TH
40	Phùng Thị Hồng Hạnh		-		-		-	0	-	1	100.000		-	100.000		Khoa Nội TH
41	Nguyễn Hoàng Linh		-		-		-	0	-	1	100.000		-	100.000		Khoa Nội TH
42	Nguyễn Thị Hiền		-		-		-	0	-	2	200.000		-	200.000		Khoa TM - NT
43	Hoàng Thị Ngọc Diệp		-		-		-	0	-	1	100.000		-	100.000		Khoa TM - NT

STT	Họ và tên	Trực 16h/24h và trực 24h/24h								Trực 8h/24h				Số tiền thực lĩnh	Ghi chú	Khoa phòng
		Ngày thường (86.250đ/ ngày)		Ngày T7, CN (149.500 đ/ ngày)		Ngày Lễ + Tết (207.000đ/ngày)		Tổng số ngày	Tổng số tiền	Trực ngày T7, CN (100.000đ/ngày)		Trực ngày lễ, tết (120.000đ/ ngày)				
		Số ngày	Thành tiền	Số ngày	Thành tiền	Số ngày	Thành tiền			Số ngày	Thành tiền	Số ngày	Thành tiền			
A	B	1	2=1*86.250đ (129.375đ)	3	4=3*149.500đ (224.250đ)	5	6=5*207.000 đ (310.500đ)	7=1+3+ 5	8=2+4+6	9	10=9x100.000đ	11	12=11*120.00 0	13=8+10+12	14	15
44	Trần Thị Thúy		-		-		-	0	-	1	100.000		-	100.000		Khoa TM - NT
45	Lò Thị Hương		-		-		-	0	-	2	200.000		-	200.000		Khoa TM - NT
46	Trần Thị Kim Dung		-		-		-	0	-	4	400.000		-	400.000		Khoa Ngoại TH
47	Lê Thị Thảo		-		-		-	0	-	2	200.000		-	200.000		Khoa Ngoại TH
48	Nguyễn Thị Hải Lý		-		-		-	0	-	3	300.000		-	300.000		Khoa Ngoại TH
49	Mai Thị Thu Hằng		-		-		-	0	-	2	200.000		-	200.000		Khoa Ngoại TH
50	Nguyễn Tùng Anh		-		-		-	0	-	2	200.000		-	200.000		Khoa Ngoại TH
51	Ng. Thị Tuyết Lan		-		-		-	0	-	1	100.000		-	100.000		Khoa Ngoại TH
52	Hoàng Thị Thu Hiền		-		-		-	0	-	2	200.000		-	200.000		Khoa Ngoại TH
53	Nguyễn Văn Hoàn		-		-		-	0	-	1	100.000		-	100.000		Khoa Ngoại TH
54	Doãn Thúy Hạnh		-		-		-	0	-	1	100.000		-	100.000		Khoa Ngoại TH
55	Trần Thị Thu Ngọc		-		-		-	0	-	5	500.000		-	500.000		Khoa Ung Bướu
56	Đỗ Thị Thuý Liên		-		-		-	0	-	1	100.000		-	100.000		Khoa Ung Bướu
57	Quan Thị Vên		-		-		-	0	-	2	200.000		-	200.000		Khoa Ung Bướu
58	Nguyễn Thị Hà B		-		-		-	0	-	1	100.000		-	100.000		Khoa CTCH
59	Ng Thị Việt Nga		-		-		-	0	-	2	200.000		-	200.000		Khoa CTCH
60	Hứa Thị Hường		-		-		-	0	-	1	100.000		-	100.000		Khoa CTCH
61	Lê Thị Hiền		-		-		-	0	-	1	100.000		-	100.000		Khoa CTCH
62	Nguyễn Thị Dậu		-		-		-	0	-	1	100.000		-	100.000		Khoa CTCH
63	Nguyễn Thị Oách		-		-		-	0	-	4	400.000		-	400.000		Khoa CTCH
64	Đào Thị Hương		-		-		-	0	-	2	200.000		-	200.000		Khoa CTCH
65	Lục Thị Phương		-	1	224.250		-	1	224.250		-		-	224.250		Khoa Cấp Cứu
66	Phan Thị Phượng		-	1	224.250		-	1	224.250		-		-	224.250		Khoa Cấp Cứu

STT	Họ và tên	Trực 16h/24h và trực 24h/24h								Trực 8h/24h				Số tiền thực lĩnh	Ghi chú	Khoa phòng
		Ngày thường (86.250đ/ ngày)		Ngày T7, CN (149.500 đ/ ngày)		Ngày Lễ + Tết (207.000đ/ngày)		Tổng số ngày	Tổng số tiền	Trực ngày T7, CN (100.000đ/ngày)		Trực ngày lễ, tết (120.000đ/ ngày)				
		Số ngày	Thành tiền	Số ngày	Thành tiền	Số ngày	Thành tiền			Số ngày	Thành tiền	Số ngày	Thành tiền			
A	B	1	2=1*86.250đ (129.375đ)	3	4=3*149.500đ (224.250đ)	5	6=5*207.000 đ (310.500đ)	7=1+3+ 5	8=2+4+6	9	10=9x100.000đ	11	12=11*120.00 0	13=8+10+12	14	15
67	Đinh Thị Nhung		-	2	448.500		-	2	448.500		-		-	448.500		Khoa Cấp Cứu
67	Trần Công Tuấn		-	4	897.000		-	4	897.000		-		-	897.000		Khoa Cấp Cứu
69	Hoàng Thị Dân		-		-		-	0	-	2	200.000		-	200.000		Khoa HSTC&CĐ
70	Nguyễn Hồng Vân		-		-		-	0	-	2	200.000		-	200.000		Khoa HSTC&CĐ
71	Trần Quyết Thắng		-		-		-	0	-	3	300.000		-	300.000		Khoa HSTC&CĐ
72	Lù Thị Phương Ngân		-		-		-	0	-	1	100.000		-	100.000		Khoa HSTC&CĐ
	Tổng cộng	30	2.587.500	20	3.588.000	0	-	50	6.175.500	118	11.800.000	0	-	17.975.500		

Ghi chú:

Tổng số tiền bằng chữ: Mười bảy triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm đồng chẵn.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Giang, ngày 15 tháng 12 năm 2017
Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Thu Linh

Đỗ Thị Kim Thanh

Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN TIỀN TRỰC TĂNG CƯỜNG

Tháng 11 năm 2017

STT	Tên Khoa, Phòng	Trực 16h/24h và trực 24h/24h								Trực 8h/24h				Số tiền thực lĩnh	Ghi chú
		Số ngày	Ngày thường	Số ngày	Thứ 7,CN	Số ngày	Ngày lễ, tết	Tổng số ngày	Tổng số tiền	Trực ngày T7, CN		Trực ngày lễ, tể			
										Số ngày	Thành tiền	Số ngày	Thành tiền		
1	Khoa Yêu Cầu	22	1.897.500	8	1.196.000	0	-	30	3.093.500	0	-	0	-	3.093.500	
2	Khoa TMH	8	690.000	4	598.000	0	-	12	1.288.000	8	800.000	0	-	2.088.000	
3	Khoa Sản	0	-	0	-	0	-	0	-	13	1.300.000	0	-	1.300.000	
4	Khoa Nhi	0	-	0	-	0	-	0	-	41	4.100.000	0	-	4.100.000	
5	Khoa Nội TH	0	-	0	-	0	-	0	-	4	400.000	0	-	400.000	
6	Khoa TM - NT	0	-	0	-	0	-	0	-	6	600.000	0	-	600.000	
7	Khoa Ngoại TH	0	-	0	-	0	-	0	-	18	1.800.000	0	-	1.800.000	
8	Khoa Ung Bướu	0	-	0	-	0	-	0	-	8	800.000	0	-	800.000	
9	Khoa CTCH	0	-	0	-	0	-	0	-	12	1.200.000	0	-	1.200.000	
10	Khoa Cấp Cứu	0	-	8	1.794.000	0	-	8	1.794.000	0	-	0	-	1.794.000	
11	Khoa HSTC&CĐ	0	-	0	-	0	-	0	-	8	800.000	0	-	800.000	
	Tổng cộng	30	2.587.500	20	3.588.000	0	-	50	6.175.500	118	11.800.000	0	-	17.975.500	

Tổng số tiền bằng chữ: Mười bảy triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm đồng chẵn.

Hà Giang, ngày 15 tháng 12 năm 2017

Lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Thu Linh

Đỗ Thị Kim Thanh